

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

(V/v: Ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Quốc Trung, bà Phạm Thị Nga

- Thư ký ghi phiên tòa: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân (TAND) thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16A/2022/QĐST-DS ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 1057, đường A, tổ 02, phường Th, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Đinh Hải Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 8, phường Th, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

Hiện anh Đ đang chấp hành án tại Trại giam S, B, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các bản khai, nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/5/2022, chị Nguyễn Thị Hồng C sinh năm 1978, Tổ 02, Phường Th, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình nộp đơn xin ly hôn với anh Đinh Hải Đ, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 8, Phường Th, Thành phố H, Tỉnh Hòa Bình. Với nội dung khởi kiện: Ngày 22/11/2000, chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Đinh Hải Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tr (nay là Phường Tr), Thành phố H, Tỉnh Hòa Bình. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, do anh Đ thường xuyên giao lưu bạn bè xã hội, không chịu chăm lo cho gia đình. Chị C đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Đến khoảng tháng 12/2014, anh Đ bị bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh Đ đang chấp hành án tại trại giam S, B, Hà Nội. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, chị C có đơn yêu cầu TAND Thành phố H giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị C và anh Đ có 01 con chung, tên là Đinh Hải D, sinh ngày 18/9/2001; Hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: vợ, chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên chị C không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về nội dung này.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã phân tích, hòa giải để chị C cho anh Đ có thêm thời gian thay đổi, phù hợp với cuộc sống hôn nhân, có hướng để chị C đoàn tụ với anh Đ nhưng chị C không đồng ý.

Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ.

2. Ý kiến của bị đơn:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị C, do anh Đ đang chấp hành án tại trại giam S, B, Hà Nội. Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ. Đồng thời, theo quy định pháp luật, Tòa án đã phối hợp đến tại Trại giam S để tiến hành lấy lời khai, thực hiện phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự pháp luật, có sự chứng kiến của Trại giam. Kết quả thu thập chứng cứ, lời khai, Anh Đ cho biết: vợ, chồng anh kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện K (nay là Phường Tr, Thành phố H), Tỉnh Hòa Bình. Anh Đ thừa nhận giữa anh Đ và chị C có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng hôn nhân hiện nay như chị C trình bày là đúng. Chị C xin ly hôn, anh Đ mong chị C nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây lại hạnh phúc gia đình; nếu chị C muốn ly hôn thì sau này để anh Đ chấp hành án xong về địa phương mới giải quyết.

Về con chung: Anh Đ và chị C có 01 con chung, tên là Đinh Hải D, sinh ngày 18/9/2001; Hiện nay con đã trưởng thành, nguyện vọng con muốn ở với ai anh Đ đều tôn trọng.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

4. Những nội dung thống nhất, không thống nhất:

**/ Những nội dung khai thống nhất:*

Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Tr, Huyện K (nay là Phường Tr, Thành phố H), về phát sinh mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và công nợ chung.

**/ Những nội dung không thống nhất:*

- Chị C kiên quyết ly hôn còn anh Đ không đồng ý ly hôn tại thời điểm hiện nay mà để khi anh Đ chấp hành xong án phạt tù về địa phương mới giải quyết.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

**/ Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS). Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng về việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng bảo đảm đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Phiên tòa xét xử vắng mặt anh Đ đã bảo đảm quy định về việc xét xử vắng mặt bị đơn tại Điều 227, 228 của Bộ luật TTDS.

**/ Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị C và anh Đ đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn với anh Đinh Hải Đ.

- *Về con chung:* Do con chung đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Do vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về án phí và quyền kháng cáo:* đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; HĐXX nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Do bị đơn là anh Đinh Hải Đ có địa chỉ tại: Tổ 8, phường Th, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nay chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn - đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố H, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

- Về việc xét xử vắng mặt anh Đ: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS như: tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ biết được nội dung đơn khởi kiện ly hôn và các chứng cứ tài liệu chị C nộp tại Tòa án, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt cho anh Đ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... Phiên tòa ngày hôm nay là phiên tòa được mở lần thứ 3; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của anh Đ theo quy định pháp luật. Việc xét xử vắng mặt anh Đ tại phiên tòa hôm nay đã bảo đảm các quy định tại Khoản 1 Điều 173; Khoản 2 Điều 177; Khoản 1, Điểm b, Khoản 2 - Điều 227; Khoản 3 Điều 228 - Bộ luật TTDS.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Đinh Hải Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND Xã Tr, Huyện K (nay là Phường Tr, Thành phố H), Tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Đ không chăm lo cho gia đình. Đến tháng 12/2014

anh Đ bị bắt về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh Đ đang chấp hành án tại trại giam S, B, Hà Nội.

HĐXX thấy thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị C và anh Đ như nêu trên; chị C trình bày đã ly thân và không còn tình cảm với anh Đ - như vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C; xử cho chị C được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 51 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn như sau:

Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn...

Khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về việc ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải ...không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...

- *Về con chung*: chị C và anh Đ có 01 con chung, tên là Đinh Hải D, sinh ngày 19/8/2001. Đến nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: vợ, chồng không có tài sản chung và công nợ chung, HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS và Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định Điều 271, 273 - Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 173; Khoản 2 Điều 177; Khoản 1, Điểm b, Khoản 2 - Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 - Bộ luật TTDS.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a, Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C.

1. Về quan hệ hôn nhân : xử cho chị Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với anh Đinh Hải Đ.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001420 ngày 13/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C có quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Anh Đinh Hải Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Hòa Bình;
- THADS Tp. H;
- UBND phường Tr, Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đinh Lan Hương